

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN TOÁN – LỚP 11

Câu hỏi trắc nghiệm: 35 câu (7 điểm).

Câu hỏi tự luận: 3 câu (3 điểm).

STT	Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Hàm số mũ và hàm số logarit	Luỹ thừa với số mũ thực.	1								
		Lôgarit.	1								
		Hàm số mũ. Hàm số lôgarit.			1						
		Phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit .			2						
2	Quan hệ vuông góc trong không gian	Hai đường thẳng vuông góc.	1								
		Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng.			1						
		Góc giữa đường thẳng và mặt phẳng .			1						
		Hai mặt phẳng vuông góc .	1		1		1				

		Khoảng cách trong không gian .	1				1			1	
		Thể tích.	1		1						
3	Các quy tắc tính xác suất	Một số khái niệm về xác suất cổ điển	2		1						
		Các quy tắc tính xác suất	2		4		1	1			
4	Đạo hàm	Khái niệm đạo hàm. Ý nghĩa hình học của đạo hàm	2		1	1					
		Các quy tắc tính đạo hàm	3		2		1				
		Đạo hàm cấp hai				1	1				
Tổng			15		15	2	5	1		1	
Tỉ lệ %			30%		40%		20%		10%		
Tỉ lệ chung			70%				30%				

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN TOÁN - LỚP 11

STT	Chương/chủ đề	Nội dung	Mức độ kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Hàm số mũ và hàm số lôgarit	Luỹ thừa với số mũ thực.	Nhận biết: – Nhận biết được khái niệm luỹ thừa với số mũ nguyên của một số thực khác 0; luỹ thừa với số mũ hữu tỉ và luỹ thừa với số mũ thực của một số thực dương.	1 TN			
		Lôgarit.	Nhận biết: – Nhận biết được khái niệm lôgarit cơ số a ($a > 0, a \neq 1$) của một số thực dương. – Giải thích được các tính chất của phép tính lôgarit nhờ sử dụng định nghĩa hoặc các tính chất đã biết trước đó.	1 TN			
		Hàm số mũ. Hàm số lôgarit	Thông hiểu: – Tìm được tập xác định hàm số mũ và hàm số lôgarit.		1 TN		
		Phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit	Thông hiểu: – Giải được phương trình, bất phương trình mũ, lôgarit ở dạng đơn giản. Ví dụ : $(2^{x+1} = \frac{1}{4}; 2^{x+1} = 2^{3x+5}; \log_2(x+1) = 3; \log_3(x+1) = \log_3(x^2 - 1))$.		2 TN		
2	Quan hệ vuông góc trong không gian. Phép chiếu vuông góc	Hai đường thẳng vuông góc	Nhận biết: – Nhận biết được khái niệm góc giữa hai đường thẳng trong không gian. – Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc trong không gian.	1 TN			
		Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng.	Thông hiểu: – Xác định được điều kiện để đường thẳng vuông góc với mặt phẳng.		1 TN		

		– Xác định được hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng, một tam giác.				
	Góc giữa đường thẳng và mặt phẳng .	Thông hiểu: - Xác định được góc giữa đường thẳng và mặt phẳng trong những trường hợp đơn giản.		1 TN		
	Hai mặt phẳng vuông góc .	Nhận biết: – Nhận biết được khái niệm hai mặt phẳng vuông góc. Thông hiểu: – Xác định được điều kiện để hai mặt phẳng vuông góc. Vận dụng: – Xác định được số đo góc phẳng nhị diện.	1 TN	1 TN	1 TN	
	Khoảng cách trong không gian .	Nhận biết: – Nhận biết được đường vuông góc chung. Vận dụng: – Tính được khoảng cách khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng. Vận dụng cao: – Tính được khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau	1 TN		1 TN	1 TL
	Thể tích	Nhận biết: – Nhận biết được hình chóp cụt đều.Công thức tính thể tích. Thông hiểu: – Tính được thể tích khối chóp	1 TN	1 TN		

3	Các quy tắc tính xác suất	Một số khái niệm về xác suất cổ điển	Nhận biết: – Nhận biết được một số khái niệm về hợp và giao các biến cố; biến cố độc lập. Thông hiểu: Xác định được số phần tử của biến cố giao, biến cố hợp đơn giản bằng phương pháp tổ hợp.	2 TN	1 TN		
		Các quy tắc tính xác suất	Nhận biết: Nhận biết công thức cộng, nhân xác suất. Thông hiểu: - Tính được xác suất của biến cố trong một số bài toán đơn giản Vận dụng: – Tính được xác suất của biến cố hợp bằng cách sử dụng công thức cộng. – Tính được xác suất của biến cố giao bằng cách sử dụng công thức nhân (cho trường hợp biến cố độc lập).	2 TN	4 TN	1 TN + 1 TL	
4	Đạo hàm	Khái niệm đạo hàm. Ý nghĩa hình học của đạo hàm	Nhận biết: – Nhận biết được một số bài toán dẫn đến khái niệm đạo hàm như: xác định vận tốc tức thời của một vật chuyển động không đều, xác định tốc độ thay đổi của nhiệt độ. – Nhận biết được định nghĩa đạo hàm. – Nhận biết được ý nghĩa hình học của đạo hàm. Thông hiểu: – Hiểu được công thức tính đạo hàm của một số hàm đơn giản bằng định nghĩa. – Thiết lập được phương trình tiếp tuyến của đồ thị hàm số tại một điểm thuộc đồ thị.	2 TN	1TN+1TL		
		Các quy tắc tính đạo hàm	Nhận biết: – Nhận biết được công thức, quy tắc tính đạo hàm. Thông hiểu:	3 TN	2 TN	1 TN	

		<ul style="list-style-type: none"> Tính được đạo hàm của một số hàm số sơ cấp cơ bản (như hàm đa thức, hàm căn thức đơn giản, hàm số lượng giác, hàm số mũ, hàm số lôgarit). <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Sử dụng được các công thức tính đạo hàm của tổng, hiệu, tích, thương của các hàm số và đạo hàm của hàm hợp. 				
	Đạo hàm cấp hai	<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tính được đạo hàm cấp hai của một số hàm số đơn giản. Giải quyết được một số phương trình gắn với đạo hàm cấp 2. <p>Vận dụng :</p> <ul style="list-style-type: none"> Tính được đạo hàm cấp hai của một số hàm số hợp. 		1 TL	1 TN	
Tổng			15 TN	15TN+2TL	5TN+1 TL	1TL
Tỉ lệ %			30%	40%	20%	10%
Tỉ lệ chung			70%		30%	

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

ĐỖ ANH ĐỨC